ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20 /2026/QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 22tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh Gia Lai đối với:

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm *(sau đây gọi là cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm)* quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

2. Các cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên có sản phẩm thuộc ngành công thương quản lý có sản lượng lớn nhất; cơ sở không thực hiện công đoạn sản xuất

nhưng kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên; cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên tự chọn ngành công thương để thực hiện các thủ tục hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Công Thương; Ủy ban nhân dân các xã, phường.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Điều 1 Quyết định này và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Phân cấp cho Sở Công Thương

1. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố các sản phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh quy định tại Phụ lục IV của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

2. Tiếp nhận bản sao Giấy chứng nhận còn hiệu lực của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Điều 1 Quyết định này, gồm các loại giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm).

Điều 4. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (bao gồm các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc quản lý ngành công thương trong chợ trừ chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản) trên địa bàn quản lý.

2. Tiếp nhận Bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 1 Điều này. Mẫu Bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tổ chức, triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại các chợ (trừ chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản) trên địa bàn.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Công Thương hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này, định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo về Sở Công Thương để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2026

2. Quyết định số 76/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Công Thương; Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 4 Điều 6;
- Các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- VP Đảng ủy UBND tỉnh;
- Báo và PTTH Gia Lai;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lãnh đạo, CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, XDCT, X7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Nguyễn Hữu Quế

Phụ lục
MẪU BẢN CAM KẾT
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực công thương trên địa bàn tỉnh Gia Lai)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

……, ngày…. tháng….. năm 20…

BẢN CAM KẾT
Bảo đảm an toàn thực phẩm

Kính gửi: …….. *(tên cơ quan được UBND tỉnh phân cấp quản lý)*

Họ và tên *(Chủ cơ sở sản xuất/kinh doanh thực phẩm)* :……..

Số CCCD:…… Ngày cấp:……. Nơi cấp:…….....

Chỗ ở hiện nay:…….....

Cơ sở sản xuất/kinh doanh: *(ghi tên cơ sở đăng ký SX/KD)* ……...……...

……...

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:……..

Mặt hàng sản xuất/kinh doanh: *(ghi tên các loại sản phẩm do cơ sở sản xuất, kinh doanh)* …….

Điện thoại:……..; Email:…..…….

Tôi cam kết thực hiện đúng các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất/kinh doanh thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật với những nội dung sau:

1. Cơ sở sản xuất/kinh doanh thực phẩm có khoảng cách an toàn đối với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm.

2. Cơ sở có đủ nước đạt quy chuẩn kỹ thuật phục vụ sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

3. Cơ sở có trang thiết bị phù hợp để sản xuất, kinh doanh thực phẩm không gây độc hại, gây ô nhiễm cho thực phẩm.

4. Cơ sở cam kết sử dụng nguyên liệu, hóa chất, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm theo quy định.

5. Cơ sở có đủ trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện rửa và khử trùng, nước sát trùng, thiết bị phòng, chống côn trùng và động vật gây hại.

6. Cơ sở thực hiện thu gom, xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Cơ sở duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và lưu giữ thông tin liên quan đến việc mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc thực phẩm.

8. Cơ sở tuân thủ quy định về sức khỏe, kiến thức và thực hành của người trực tiếp sản xuất/kinh doanh thực phẩm theo quy định.

Bản cam kết có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký; trường hợp các cơ sở sản xuất, kinh doanh có thay đổi các thông tin, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi các thông tin chủ cơ sở xản xuất, kinh doanh có trách nhiệm gửi lại Bản cam kết cho cơ quan có thẩm quyền. Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau (cơ quan tiếp nhận giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản).

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận	**Chủ sơ sở sản xuất/kinh doanh** *(ký, ghi rõ họ tên)*